

DOI: 10.58490/ctump.2024i81.3170

CHUẨN HÓA BỘ CÂU HỎI KHẢO SÁT PHỨC CẢM TỰ TI VÀ HỆ QUẢ CỦA PHỨC CẢM TỰ TI PHIÊN BẢN TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Nguyễn Ngọc Phương Trinh, Trà Khánh Như,
Phan Quỳnh Anh, Lương Linh Ly*

Trường Đại Học Quốc tế Hồng Bàng

*Email: lyll@hiu.vn

Ngày nhận bài: 19/8/2024

Ngày phản biện: 13/10/2024

Ngày duyệt đăng: 25/10/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Phức cảm tự ti là một khái niệm tâm lý khá lạ lẫm đối với cộng đồng xã hội Việt Nam, mặc dù nó đã được nghiên cứu khá nhiều ở các nước phát triển, nơi các vấn đề tâm lý ngày càng được chú trọng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xây dựng và chuẩn hóa bộ câu hỏi khảo sát phức cảm tự ti và hệ quả phức cảm tự ti ở phiên bản tiếng Việt. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 660 sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng với phương pháp nghiên cứu cắt ngang. Bộ câu hỏi được kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA. **Kết quả:** Bộ câu hỏi gồm 6 nhân tố và 22 biến quan sát. **Kết luận:** Bộ câu hỏi khảo sát phức cảm tự ti và hệ quả của phức cảm tự ti phiên bản tiếng Việt có độ tin cậy cao và đáp ứng giá trị phân biệt.

Từ khóa: Bộ câu hỏi khảo sát, phức cảm tự ti, hệ quả của phức cảm tự ti.

ABSTRACT

STANDARDIZATION OF THE SURVEY THE QUESTIONNAIRE OF INFERIORITY COMPLEX AND THE CONSEQUENCE OF INFERIORITY COMPLEX IN VIETNAMESE VERSION

Nguyen Thi My Duyen, Nguyen Ngoc Phuong Trinh, Tra Khanh Nhu,
Phan Quynh Anh, Luong Linh Ly*

Hong Bang International University

Background: Inferiority complex is a psychological concept that remains relatively unfamiliar to the Vietnamese community, although it has been widely researched in developed countries, where mental health issues are increasingly emphasized. **Objectives:** To develop and standardize a survey questionnaire on inferiority complex and its consequence in the Vietnamese version.. **Materials and methods:** A cross-sectional research techniques was used to complete the questionnaires to survey questionnaire was administered to 660 students at Hong Bang International University. The questionnaire was validated for reliability using Cronbach's Alpha coefficient and factor analysis (EFA). **Results:** The questionnaire comprises 6 factors and 22 observed variables. **Conclusions:** The developed and standardized survey questionnaire on inferiority complex and its consequences in the Vietnamese version demonstrates high reliability and meets the criteria for discriminant validity.

Keywords: Survey questionnaire, inferiority complex, consequences of inferiority complex.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phức cảm tự ti (Inferiority Complex) theo thuyết tâm lý học của Adler đưa ra vào năm 1907, được định nghĩa là cảm giác của sự thiếu hụt và bất an, xuất phát từ sự thiếu hụt về thể chất hoặc tâm lý ở thực tế hoặc do tưởng tượng. Điều đó tạo ra những hành vi rút lui

hoặc lẫn át phù hợp với trạng thái tâm lý của họ [1]. Khi trạng thái tâm lý đó của họ có sự bù đắp cho phức cảm tự ti quá mức, nó sẽ hình thành nên một tâm lý cá nhân khác đó là phức cảm vượt trội (Superiority Complex) [2].

Những người mắc chứng phức cảm tự ti thường cảm thấy mặc cảm, tự ti một cách quá độ và ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống thường ngày [3]. Hệ quả của phức cảm tự ti khiến họ trở nên thượng đẳng, ganh đua thành tích, đố kỵ để che lấp sự tự ti vốn có của bản thân [4]. Họ cũng có xu hướng cao sẽ mắc những vấn đề tâm lý khác như trầm cảm và lo âu [5].

Trên thế giới, có nhiều tác giả đã dùng nhiều công cụ khác nhau để đánh giá trực tiếp và gián tiếp tỷ lệ mắc phức cảm tự ti ở người bình thường [6]. Nổi bật nhất là thang điểm Sorensen Self-Esteem Test đánh giá sự tôn trọng bản thân, qua đó đánh giá gián tiếp tỷ lệ mắc phức cảm tự ti với độ tin cậy cao [5].

Ở Việt Nam, hiện nay chỉ có duy nhất một bài báo khảo sát tỷ lệ mắc phức cảm tự ti ở người khuyết tật [4]. Hơn nữa, hệ quả của phức cảm tự ti đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển tâm lý tâm thần hành vi ở lứa tuổi thanh thiếu niên [6]. Chính vì vậy, nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài này với mục tiêu: Xây dựng và chuẩn hóa bộ câu hỏi khảo sát phức cảm tự ti và hệ quả phức cảm tự ti ở phiên bản tiếng Việt.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên hệ chính quy đang tham gia học tập tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Không điền đủ > 2/3 số lượng câu hỏi; hoặc đã được chẩn đoán mắc các bệnh lý rối loạn tâm lý trước đó.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:** Công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ:

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu

Z: trị số trong bảng phân phối chuẩn, Z = 1,96 khi $\alpha = 0,05$

d: sai số cho phép, chọn d = 0,04

p: tỷ lệ ước lượng cỡ mẫu n thành công (p=0,5)

Vậy số sinh viên cần tối thiểu thực hiện khảo sát là 600 sinh viên. Sai số mẫu dự kiến là 10%, số mẫu thu thập là 660.

Cỡ mẫu thực tế thu thập: 660 sinh viên.

- **Nội dung nghiên cứu:**

Xây dựng bộ câu hỏi khảo sát: Bộ câu hỏi có 68 câu được chia làm 3 phần:

+ **Phần 1.** Thông tin chung của người khảo sát (A1 - A8)

+ **Phần 2.** Thang đo đánh giá sự tôn trọng bản thân của Sorensen (2006) có hệ số Cronbach's alpha = 0,875. Đánh giá mức độ theo tổng điểm:

0-4 điểm: Lòng tự trọng tốt

5-10 điểm: Lòng tự trọng thấp nhẹ

11-18 điểm: Lòng tự trọng thấp trung bình

>19 điểm: Lòng tự trọng thấp nặng

+ **Phần 3.** Hệ quả của phức cảm tự ti

Chuẩn hóa bộ câu hỏi:

Chuẩn hóa ngôn ngữ:

Bộ câu hỏi Sorensen Self-Esteem Test và 10 câu hỏi hệ quả trước tiên được dịch xuôi từ tiếng Anh sang tiếng Việt bởi chính nhóm nghiên cứu. Sau đó bản dịch xuôi được kiểm định về nội dung, từ ngữ, cách diễn đạt với 1 chuyên gia ngôn ngữ Anh phụ trách chính nhằm đảm bảo độ chính xác về ngữ nghĩa và 1 chuyên gia ngành tâm lý học hỗ trợ để kiểm định chính xác khái niệm thuật ngữ.

Bản dịch của cả 2 chuyên gia thực hiện độc lập sau đó thống nhất với nhau bằng tiếng Việt và được dịch ngược 1 lần nữa sang tiếng Anh. Dịch ngược được chuyên gia tâm lý học phụ trách chính để đảm bảo trong quá trình dịch các khái niệm khoa học không bị sai lệch và 1 chuyên gia ngôn ngữ Anh kiểm tra lại bản dịch lần cuối để đảm bảo tính thống nhất về mặt ngôn ngữ, ngữ pháp, tính logic dựa trên ngữ cảnh và không bị chuyên môn hóa.

Sau đó, bộ câu hỏi cho 10 sinh viên ngẫu nhiên tham gia khảo sát bằng Google Form. Từ góp ý về câu văn và độ thông hiểu câu hỏi của từng cá nhân, bộ câu hỏi được rút ngắn gọn và chỉnh sửa 1 lần cuối để cho ra bộ câu hỏi cuối cùng.

Phân tích số liệu:

Kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha > 0,6 có thể chấp nhận được; các biến quan sát có Corrected Item-Total Correlation (Itm-Totl Correl, hệ số tương quan biến - tổng) < 0,3 và Cronbach's Alpha if Item Deleted (Alpha if deleted, hệ số CA khi loại biến) cao hơn giá trị CA hiện hành thì cần xem xét loại bỏ biến [7]. Phân tích nhân tố khám phá EFA: Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) $\geq 0,5$ [8] và Sig Bartlett's Test $\leq 0,05$; tổng phương sai trích $\geq 50\%$ và hệ số Eigenvalue trên từng yếu tố > 1 thì được chấp nhận; hệ số tải nhân tố (Factor loading) $\geq 0,5$ là biến quan sát có ý nghĩa thống kê tốt. Mức chênh lệch hệ số tải của một biến quan sát giữa các nhân tố $\geq 0,3$ để tạo giá trị phân biệt giữa các nhân tố [9].

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Khảo sát trực tiếp sinh viên trên giấy với bộ câu hỏi.

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Dữ liệu được phân tích bằng SPSS 29.0.2.0.

- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, tháng 03/2024.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện khi có sự chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng số 04/PCT – HĐĐĐ – ĐT, ngày 18/08/2023. Sinh viên tự nguyện tham gia, thông tin đều được mã hóa và bảo mật và lưu giữ theo đúng quy định. Kết quả nghiên cứu chỉ sử dụng cho mục đích khoa học.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát 660 sinh viên với giới tính nữ (65,3%), nam (34,7%). Tỷ lệ sinh viên đang theo học tập tại khối ngành sức khỏe chiếm nhiều nhất là 52,7%, tiếp theo, khối ngôn ngữ và văn hóa quốc tế (15,5%), kinh tế - quản trị (11,8%), kỹ thuật - công nghệ (11,1%), khoa học xã hội và nhân văn (7,7%), khoa học giáo dục là 1,2%. Chương trình đào tạo tiếng Việt đang theo học tại trường đại học chiếm đến 87%. Sinh viên chưa từng học tại trường tư thục là 73%, từng học 1 cấp (17,1%), 2 cấp (2,2%), cả 3 cấp (7,7%). Khoảng 64%

sinh viên sinh sống tại thành thị và trong gia đình có 2 thế hệ. Là con 1 trong nhà chiếm 13,5%, con cả (39,4%), con út (34,4%). Đa số sinh viên trong tình trạng độc thân (66,4%).

3.2. Kết quả chuẩn hóa thang đo bộ câu hỏi

Kiểm định Cronbach's Alpha thang đo sơ bộ: gồm 60 biến với 2 yếu tố: Sự tôn trọng bản thân (B) và yếu tố thúc đẩy Phức cảm tự ti (C)

Bảng 1. Hệ số Cronbach's Alpha thang đo sơ bộ

TT	Nội dung	Itm-Totl Correl	Alpha if deleted
B1	Bạn có nghĩ người khác kỳ vọng ở mình khi ở môi trường làm việc mới không?	0,197	0,861
B2	Bạn cảm thấy khó chịu với những lời chỉ trích không?	0,317	0,859
B3	Bạn sợ hãi khi mọi người xem bạn như một kẻ ngốc	0,315	0,859
B4	Bạn thường chú trọng vào lỗi lầm nhưng lại xem nhẹ thành công của bản thân.	0,286	0,859
B6	Bạn có thường phê bình bản thân mình và những người khác không?	0,274	0,860
B6	Đã bao giờ bạn có khoảng thời gian suy sụp và vô cùng chán nản không?	0,225	0,860
B7	Bạn thường cảm thấy lo lắng và sợ hãi.	0,417	0,857
B8	Khi ai đó đối xử tệ với bạn, bạn nghĩ rằng bạn xứng đáng bởi vì mình đã có lỗi?	0,218	0,861
B9	Bạn khó đặt niềm tin vào ai đó và không biết khi nào thì nên tin họ.	0,173	0,862
B10	Bạn bối rối khi đối mặt với người khác hay việc gì đó.	0,403	0,857
B11	Ngoại hình luôn là mối bận tâm của bạn.	0,329	0,859
B12	Bạn dễ cảm thấy ngại ngùng.	0,406	0,857
B13	Bạn có cảm giác người khác thường hay phê phán những gì bạn nói và làm.	0,406	0,857
B14	Bạn sợ gây ra lỗi lầm trước mặt người khác.	0,340	0,858
B15	Bạn thường cảm thấy thất vọng về những quyết định của mình trong quá khứ.	0,422	0,857
B16	Bạn không dám thay đổi vì ngại rủi ro.	0,281	0,859
B17	Bạn luôn trong tâm thế phòng bị và phản công bất cứ khi nào bị chỉ trích.	0,157	0,862
B18	Bạn không hoàn thành những việc trong khả năng của mình chỉ vì sợ sợ hãi và trốn tránh.	0,282	0,859
B19	Bạn thường băn khoăn khi đưa ra quyết định.	0,426	0,857
B20	Bạn luôn suy nghĩ tiêu cực.	0,436	0,857
B21	Bạn cảm thấy khó thực hiện trọn vẹn hoặc không cảm thấy ngại ngùng trong khi quan hệ tình dục.	0,232	0,860
B22	Tuỳ hoàn cảnh và đối tượng mà bạn có thể cởi mở tâm sự.	0,156	0,861
B23	Bạn thường căng thẳng khi bạn không biết nói gì.	0,375	0,858
B24	Bạn có thường trì hoãn công việc không?	0,308	0,859
B25	Bạn thường cố tránh những mâu thuẫn và xung đột trong cuộc sống.	0,216	0,861
B26	Bạn từng được nhận xét là 1 người quá nhạy cảm.	0,260	0,860
B28	Có phải bạn hay nghĩ rằng tiêu chuẩn của bạn cao hơn người khác không?	0,165	0,862
B29	Bạn không kỳ vọng nhiều vào bản thân.	0,259	0,860
B30	Bạn hay so sánh bản thân với người khác.	0,310	0,859

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 81/2024

TT	Nội dung	Itm-Totl Correl	Alpha if deleted
B31	Bạn thường nghĩ những điều tiêu cực về bản thân và người khác.	0,461	0,856
B32	Có phải bạn hay cảm thấy bị những người khác ngược đãi và/hoặc lợi dụng bạn không?	0,342	0,858
B33	Cuối ngày, bạn thường ngẫm lại một ngày của mình, phân tích những gì bạn đã nói và làm hoặc những gì người khác nói và làm với bạn vào ngày hôm đó.	0,188	0,861
B34	Bạn thường đưa ra những quyết định dựa trên sự hài lòng của người khác.	0,394	0,857
B35	Bạn nghĩ rằng những người khác không tôn trọng mình.	0,352	0,858
B36	Bạn thường kìm nén chia sẻ những ý kiến, ý tưởng và cảm nhận của bản thân trong hội nhóm.	0,376	0,858
B37	Bạn thường chọn nói dối khi cảm thấy rằng sự thật sẽ chỉ nhận lại những lời chỉ trích hoặc sự từ chối.	0,336	0,858
B38	Bạn sợ rằng những điều bạn nói hoặc làm sẽ khiến bạn trở nên ngu ngốc và bất tài trong mắt mọi người.	0,496	0,855
B39	Bạn không đặt mục tiêu cho tương lai.	0,098	0,863
B40	Bạn dễ cảm thấy chán nản.	0,438	0,857
B41	Bạn không đề ý đến cảm nhận của mình.	0,147	0,862
B42	Bạn lớn lên trong gia đình không hạnh phúc.	0,179	0,861
B43	Bạn nghĩ cuộc đời thử thách mình hơn người khác.	0,249	0,860
B44	Bạn thường tránh những tình huống khiến bạn cảm thấy không thoải mái.	0,238	0,860
B45	Bạn muốn trở thành 1 người cầu toàn.	0,187	0,861
B46	Bạn cảm thấy ngại khi đi ăn, xem phim,... một mình.	0,223	0,861
B47	Bạn dễ bị cảm thấy tức giận hoặc tổn thương bởi những lời nói hay hành động của người khác.	0,454	0,856
B48	Khi bạn cảm thấy lo lắng và buồn bã, bạn thường bị: tim đập nhanh, toát mồ hôi, chảy nước mắt, đỏ mặt, khó nuốt hoặc nghẹn họng, run rẩy, không tập trung, hoa mắt, chóng mặt, buồn nôn hay nôn ói, tiêu chảy.	0,340	0,858
B49	Bạn rất sợ những lời chỉ trích, sự bác bỏ hay từ chối.	0,486	0,856
B50	Bạn dựa vào ý kiến người khác để đưa ra những quyết định cá nhân.	0,394	0,857
C1	Bạn thường tin rằng bản thân có thể giải quyết vấn đề 1 cách hiệu quả hơn những người khác.	0,382	0,591
C2	Bạn luôn muốn chứng tỏ mình giỏi hơn người khác.	0,360	0,597
C3	Bạn là người có lòng tự tôn cao, dễ giận dữ và thường xem người khác là đối thủ.	0,384	0,592
C4	Khi gặp một thất bại trong làm việc nhóm, bạn thường nghĩ là do lỗi của người khác.	0,263	0,618
C5	Những người khác có thể học được rất nhiều điều hay ho từ bạn.	0,219	0,631
C6	Bạn nghĩ mình có đủ kinh nghiệm, kiến thức để không cần phải nghe ý kiến và lời khuyên từ người khác.	0,297	0,616
C7	Bạn luôn làm chủ các cuộc thảo luận thậm chí những lúc bạn không có hứng thú với nó.	0,312	0,608
C8	Bạn chỉ không thành công khi không quan tâm đến việc đó	0,223	0,630

TT	Nội dung	Itm-Totl Correl	Alpha if deleted
C9	Cuộc sống sẽ trở nên tốt đẹp hơn nếu mọi người đều có suy nghĩ và làm việc giống bạn.	0,407	0,586
C10	Mọi người thường nói rằng bạn sai, nhưng không ai chứng minh được điều đó.	0,217	0,630

Nhận xét: Loại các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng $< 0,3$ và hệ số CA khi loại biến cao hơn giá trị CA hiện hành. Loại 23/50 câu bảng B, gồm: B1, B4, B5, B6, B8, B9, B16, B17, B18, B21, B22, B25, B26, B28, B29, B33, B39, B41, B42, B43, B44, B45, B46 và loại 5/10 câu bảng C là C4, C5, C6, C8, C10.

Phân tích EFA cho các tiểu mục trong các thang đo lường các biến số

Bảng 2. Ma trận xoay nhân tố cho các tiểu mục trong các thang đo lường các biến số

Bảng 2.1. Biến phụ thuộc					
Tiểu mục	Hệ số tải				
	1	2	3	4	5
B32	0,728				
B35	0,693				
B27	0,578				
B20	0,565				
B13	0,516				
B12		0,721			
B10		0,715			
B23		0,634			
B2			0,742		
B3			0,598		
B14			0,544		
B47			0,524		
B24				0,820	
B40				0,558	
B15				0,401	
B34					0,767
B50					0,765

Bảng 2.2. Biến độc lập	
Tiểu mục	Hệ số tải
	1
C1	0,657
C3	0,648
C2	0,642
C9	0,614
C7	0,544

Nhận xét:

+ Biến phụ thuộc: Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA đầu tiên: hệ số KMO là 0,893 và Sig. Bartlett's test $< 0,001$ là phù hợp, có 7 nhân tố có trị số Eigenvalue > 1 . Tiếp tục ma trận xoay nhân tố, khi biến quan sát có hệ số tải $< 0,5$ hoặc mức chênh lệch hệ số tải $< 0,2$ sẽ bị loại. Sau 11 lần phân tích EFA, loại 10/27 biến quan sát, gồm: B7, B19, B30, B31, B36, B37, B38, B48, B49, B50.

Kết quả phân tích EFA lần thứ 11 (bảng 2.1 và 2.2) có hệ số KMO là 0,838, Sig. Bartlett's test < 0,001, tổng phương sai trích $\geq 50\%$ và trị số Eigenvalue > 1 tại nhân tố 5 nên mô hình phân tích gồm nhân tố 5. Với nhân tố 1 “Thiếu tự tin”, nhân tố 2 “E ngại”, nhân tố 3 “Kiêu ngạo”, nhân tố 4 “Nản lòng”, nhân tố 5 “Phụ thuộc”.

Hệ số Cronbach's Alpha chung sau khi loại và chia lại nhóm nhân tố là 0,785 nên thang đo đạt độ tin cậy cao.

+ Biến độc lập: Hệ số KMO là 0,702, Sig. Bartlett's test < 0,001, trị số Eigenvalue tại nhân tố 1 (1,937) và nhân tố 2 (0,913), các tiêu mục hội tụ về 1 nhân tố. Hệ số tải nhân tố đều > 0,5 là có mối quan hệ tương quan giữa các biến quan sát với nhân tố tốt.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Xây dựng bộ câu hỏi khảo sát

Bộ câu hỏi được xây dựng gồm 3 phần: Bảng A - thông tin cá nhân kèm yếu tố thúc đẩy PCTT như thứ tự sinh trong gia đình và giới tính [10], ngành học [11], nơi ở [12] và các yếu tố khác; Bảng B - thang điểm Sorensen Self-Esteem Test chuyển đánh giá từ thang điểm likert 5 sang nhị giá nhằm khu trú tính chất xác định câu trả lời, tránh suy nghĩ trung lập; Bảng C - dựa trên lý thuyết nền của Adler [13] và được ứng dụng trong các bài báo [6, 10]. Bảng B và bảng C được chuyên gia ngôn ngữ Anh, chuyên gia tâm lý phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh, sau đó được khảo sát thử trên 10 sinh viên để thống nhất từ ngữ và cho ra bộ câu hỏi cuối cùng có nội dung rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với văn hóa Việt Nam. Phương pháp lấy mẫu được triển khai bằng giấy Offline giúp các bạn sinh viên có thời gian suy nghĩ và nghiền ngẫm câu hỏi cũng như có thể được giải đáp thắc mắc trực tiếp ngay buổi gặp, từ đó tăng độ tin cậy và chất lượng thực tế bộ câu hỏi và nhóm nghiên cứu có thể trực tiếp kiểm tra bộ câu hỏi đã đầy đủ hay chưa để bổ sung hay sàng lọc những câu hỏi không đảm bảo điều kiện chọn mẫu.

4.2. Chuẩn hóa thang đo bộ câu hỏi khảo sát

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha được đánh giá bằng phương pháp nhất quán nội bộ trong bộ câu hỏi PCTT và hệ quả PCTT phiên bản tiếng Việt. Hệ số Cronbach's Alpha bảng B = 0,863 sau khi loại 23 biến, CA bảng C = 0,604 sau khi loại 5 biến đều đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Phân tích nhân tố khám phá EFA được dùng để rút gọn tập hợp k gồm nhiều các biến quan sát có sự tương quan với nhau thành tập hợp F (với $F < k$) các nhân tố có ý nghĩa hơn, đảm bảo nội dung của bộ câu hỏi. Thông qua tổng phương sai trích $\geq 50\%$ và trị số Eigenvalue ≥ 1 thì bảng B có 17 biến quan sát tách thành 5 nhóm nhân tố, và bảng C có 5 biến hội tụ về cùng 1 nhân tố. Ma trận xoay nhân tố cho tiêu mục của 1 nhân tố độc lập thành 5 nhóm nhân tố mới, được đặt tên lại là nhân tố 1 “Thiếu tự tin”, nhân tố 2 “E ngại”, nhân tố 3 “Kiêu ngạo”, nhân tố 4 “Nản lòng”, nhân tố 5 “Phụ thuộc” trong khi tiêu mục của 1 nhân tố phụ thuộc đều hội tụ về cùng 1 nhân tố nên không cần đặt lại tên.

Đánh giá lại hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo sau phân tích EFA đều có giá trị > 0,6 nghĩa là thang đo có tính chính xác và độ tin cậy.

Nghiên cứu này đã xây dựng thang đo có thể ứng dụng lâm sàng nhưng vẫn cần có thêm những nghiên cứu tiếp theo để giúp hiểu rõ hơn về PCTT và hệ quả của chúng lên đời sống tinh thần của các cá nhân chịu ảnh hưởng.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu xây dựng và chuẩn hóa bộ câu hỏi khảo sát phức cảm tự ti và hệ quả của PCTT phiên bản tiếng Việt với thang đo gồm 6 nhân tố và 22 biến quan sát có đủ độ tin cậy và giá trị phân biệt, có thể ứng dụng lâm sàng để khảo sát tại Việt Nam.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng cấp kinh phí thực hiện dưới mã số đề tài SVTC17.06.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Adler. Inferiority complex, 1907, Available: <https://dictionary.apa.org/inferiority-complex>.
 2. A. Adler. Superiority complex, 1907, Available: <https://dictionary.apa.org/superiority-complex>.
 3. M. Dany Paul Baby. What To Know About an Inferiority Complex. 2022. Available: <https://www.webmd.com/mental-health/what-to-know-inferiority-complex>.
 4. Đ. T. Thủy, Mặc cảm tự ti của người khuyết tật trong quá trình hòa nhập xã hội, Luận Văn Thạc Sĩ, Nhà XB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2013, 105.
 5. M. J. Sorensen. Sorensen self-esteem test, 2006, Available: <http://www.getself-esteem.com>.
 6. U. Amir, An Analysis Of Holden Caulfield's superiority Complex In Jerome David Salinger's The Cather In The Rye, *Faculty Of Languages And Arts Yogyakarta State University*. 2015. doi: 10.1080/0013838X.2016.1198122.
 7. E. Cristobal, C. Flavian, and M. Guinaliu. Perceived e-service quality (PeSQ) measurement validation and effects on consumer satisfaction and web site loyalty. *Managing service quality: An international journal*. 2007. vol. 17, no. 3, 317-340, doi: 10.1108/09604520710744326.
 8. H. F. Kaiser, An index of factorial simplicity. *Psychometrika*. 1974. vol. 39, no. 1, 31-36, doi: 10.1007/BF02291575.
 9. J. F. Hair, W. C. Black, B. J. Babin, and R. E. Anderson Multivariate data analysis: Pearson new international edition PDF eBook. *Pearson Higher Ed*. 2013. doi: <https://doi.org/10.1177/009207037900700213>.
 10. S. Derin and E. S. Şahin. Inferiority and Superiority Complex: Examination in Terms of Gender, Birth Order and Psychological Symptoms. 2023. doi: <https://doi.org/10.19090/pp.v16i3.2463>.
 11. Z. M. Nahid Jamshidi, Farkhondeh Shari, Camellia Torabizadeh, Majid Najafi Kalyani. The challenges of nursing students in the clinical learning environment: A qualitative study. *The scientific world journal*. 2016. doi: 10.1155/2016/1846178.
 12. M. U. Michaeline A Isawumi, Olubusayo O Adejumo, Modupe Adebayo, Ramesh Kekunnaya. Awareness, perceptions and knowledge of strabismus among patients visiting a tertiary eye clinic in Southwest Nigeria. *International ophthalmology*. 2014. 1037-1042, doi: 10.1007/s10792-014-9902-3.
 13. A. Adler The science of living (psychology revivals), *Routledge*. 2013. doi: <https://doi.org/10.4324/9780203386750>.
-